

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 01 - 2025

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Thanh Phát.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trương Thanh Tuấn.
- Ông Hà Bửu Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thái Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 480/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:* Anh Thạch Văn N, sinh năm: 1987 (có mặt).
  - Bị đơn:* Chị Cao Thị Hồng G, sinh năm: 1986 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2024 và tại phiên tòa, anh Thạch Văn Nghĩa L nguyên đơn trình bày:*

Anh và chị G tự nguyện kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G; thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình và cuộc sống thường cự cãi nhau. Cuối năm 2022, mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn nên hai bên sống ly thân với nhau cho đến nay, không còn quan tâm nhau.

Quá trình chung sống anh và chị G có hai người con là cháu Thạch Trâm A, sinh ngày 23/02/2012 và cháu Thạch Thiện N1, sinh ngày 07/11/2017, các con chung do anh chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định.

Anh xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với chị G nên yêu cầu ly hôn. Về con chung: Anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi các con, anh có thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng, anh vẫn đảm bảo quyền thăm con cho chị G và tôn trọng nguyện vọng của các con muốn ở với cha hoặc mẹ. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chị Cao Thị Hồng G là bị đơn:*

Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh N, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Anh Thạch Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với chị Cao Thị Hồng G, đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị G. Tuy nhiên, chị G không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và phiên tòa là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do anh N giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị G.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị G kết hôn năm 2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 27/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp, kể từ thời điểm đăng ký kết hôn. Anh N xác định thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống thường cự cãi nhau. Cuối năm 2022, anh N và chị G sống ly thân với nhau cho đến nay, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và không có liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, anh N và chị G vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ, chồng cho anh N và chị G nhưng không đạt kết quả do chị G vắng mặt và anh N cương quyết yêu cầu ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng của anh N và chị G đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, anh N yêu cầu ly hôn với chị G là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Anh N và chị G có hai người con là cháu Thạch Trâm A, sinh ngày 23/02/2012 và cháu Thạch Thiện N1, sinh ngày 07/11/2017. Đối với yêu cầu nuôi các con của anh N, chị G không có ý kiến phản đối; anh N xác định các con chung do anh nuôi dưỡng ổn định, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt và nguyện vọng của cháu Trâm A và cháu N1 (trên 07 tuổi) sống với cha. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận để anh N được quyền nuôi các con chung, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003010 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; anh N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Thạch Văn N được ly hôn với chị Cao Thị Hồng G.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Trâm A, sinh ngày 23/02/2012 và cháu Thạch Thiện N1, sinh ngày 07/11/2017 cho anh Thạch Văn N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị G được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Thạch Văn N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003010 ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, anh N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Thạch Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 13/01/2025); chị Cao Thị Hồng G có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện Giồng Riềng;
- THA huyện Giồng Riềng;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Danh Thanh Phát**